

Số: 25/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Sơn La
đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

*Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp
đồng số 69/2020/QH14;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với
người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục
hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức
và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp về hướng dẫn xây
dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 632/TTr-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 145/BC-VHXXH ngày 25 tháng 8 năm 2026
của Ban Văn hoá - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ
người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 9 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp chuyên đề thứ 3 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trang thông tin đại biểu dân cử tỉnh;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Sơn La
đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND
ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh từ đủ mười hai tháng trở lên đi làm việc ở nước ngoài, bao gồm:

a) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Việc làm số 74/2025/QH15.

b) Người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước.

2. Các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là trường).

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ được thực hiện bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, không trùng lặp, chồng chéo, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động nếu thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh với mức hỗ trợ bằng hoặc cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì không hưởng chính sách hỗ trợ từ Nghị quyết này. Đối với các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này mà Trung ương không có quy định thì người lao động được hưởng đầy đủ theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Người lao động chỉ được hưởng hỗ trợ một lần cho mỗi lần đi làm việc ở nước ngoài, không hỗ trợ nhiều lần cho cùng một nội dung.

4. Đối với nội dung hỗ trợ các trường trong việc tổ chức lớp bồi dưỡng, định hướng tạo nguồn đi làm việc ở nước ngoài tập trung vào 03 thị trường: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc. Ưu tiên bồi dưỡng đối với học sinh, sinh viên năm cuối và có nhu cầu tham gia chương trình đi làm việc ở nước ngoài.

5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Chương II

CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ HỖ TRỢ CÁC TRƯỜNG TRONG VIỆC TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG, ĐỊNH HƯỚNG TẠO NGUỒN LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 4. Nội dung và mức chi hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ như sau:

a) Chi phí đào tạo giáo dục định hướng trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khoá học;

b) Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo chi phí thực tế, tối đa 4.000.000 đồng/người/khoá học;

c) Chi phí đào tạo ngoại ngữ theo mức cụ thể của từng khoá học và thời gian học thực tế, tối đa 4.000.000 đồng/người/khoá học;

d) Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo là 50.000 đồng/người/ngày;

đ) Tiền ở trong thời gian đào tạo là 400.000 đồng/người/tháng;

e) Hỗ trợ tiền đi lại cho người lao động từ nơi đăng ký thường trú đến địa điểm đào tạo có khoảng cách từ 15km trở lên: 200.000 đồng/người/khoá học;

g) Lệ phí làm hộ chiếu theo mức quy định của pháp luật về chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam;

h) Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp theo mức quy định của pháp luật về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp;

i) Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động;

k) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.

2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ các nội dung theo quy định tại các điểm a, g, h, i, k khoản 1 Điều này.

Điều 5. Hồ sơ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Giấy đề nghị hỗ trợ của người lao động hoặc của người được người lao động ủy quyền theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Bản sao hợp lệ hợp đồng chứng minh người lao động đi làm việc ở nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc đơn vị sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

b) Hợp đồng cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nước ngoài kèm theo văn bản xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân đối với người lao động trực tiếp giao kết hợp đồng với người sử dụng lao động ở nước ngoài;

c) Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động với chủ sử dụng lao động đối với người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài.

3. Bản sao hợp lệ hộ chiếu còn thời hạn và thị thực, trừ trường hợp khai thác được thông tin trong cơ sở dữ liệu dùng chung.

4. Bản sao hợp lệ chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ của người lao động làm cơ sở thanh toán chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo.

5. Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp.

Điều 6. Trình tự, thủ tục hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Người lao động hoặc người được người lao động ủy quyền nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nơi thường trú hợp pháp, trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, ban hành quyết định hỗ trợ và tổ chức chi trả cho người lao động theo quy định tại Nghị quyết này. Nếu không hỗ trợ thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 7. Nội dung và mức hỗ trợ các trường trong việc tổ chức bồi dưỡng, định hướng tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ kinh phí tổ chức lớp bồi dưỡng, định hướng tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài, gồm: giáo dục định hướng, bồi dưỡng kỹ năng và ngoại ngữ.

2. Nội dung hỗ trợ:

a) Hỗ trợ kinh phí để các trường ký hợp đồng, thuê giáo viên tham gia giảng dạy theo nhu cầu;

b) Hỗ trợ chi phí mua sắm tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập;

c) Hỗ trợ chi phí tổ chức lớp học;

3. Mức hỗ trợ: theo chi phí thực tế, tối đa là 45.000.000 đồng/lớp. Mỗi trường được hỗ trợ tổ chức không quá một lớp/năm học.

Chương III

CHÍNH SÁCH CHO VAY HỖ TRỢ CHI PHÍ ĐI LÀM VIỆC THỜI VỤ Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 8. Mức vay, thời hạn vay vốn và lãi suất vay vốn

1. Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được vay vốn theo chi phí thực tế đi làm việc thời vụ ở nước ngoài, tối đa không quá 30.000.000 đồng.

2. Căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ và nhu cầu của đối tượng vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận thống nhất với đối tượng vay vốn để xem xét, quyết định mức vay cụ thể.

3. Thời hạn vay vốn tối đa bằng thời hạn làm việc ghi trong hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động và chủ sử dụng lao động.

4. Lãi suất vay vốn bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

5. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay vốn theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 9. Hồ sơ vay vốn

1. Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Bản sao hợp lệ hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và chủ sử dụng lao động.

3. Bản sao hợp lệ hộ chiếu còn thời hạn của người lao động, trừ trường hợp khai thác được thông tin trong cơ sở dữ liệu dùng chung.

Điều 10. Thủ tục giải quyết vay vốn, xử lý nợ bị rủi ro

1. Người lao động có nhu cầu vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài lập hồ sơ vay vốn gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nơi đăng ký thường trú để được hỗ trợ vay vốn.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo kết quả phê duyệt cho vay.

3. Quy trình, thủ tục vay vốn, giải ngân, thu nợ, thu lãi: Áp dụng theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

4. Trình tự gia hạn, chuyển nợ quá hạn, quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay, xử lý nợ rủi ro: thực hiện theo Quyết định số 25/2026/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 11. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương./.

PHỤ LỤC
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI VÀ
GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN HỖ TRỢ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI
THEO THỜI VỤ

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND
ngày 28 tháng 8 năm 2026 của HĐND tỉnh Sơn La)*

Mẫu số 01	Giấy đề nghị hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài
Mẫu số 02	Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo thời vụ

Mẫu số 01. Giấy đề nghị hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi:.....

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:.....Giới tính:.....

CCCD/CC/hộ chiếu số:.....ngày cấp.....nơi cấp:.....

Đăng ký thường trú tại:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại liên hệ (nếu có):.....Email:.....

Tôi làm đơn này đề nghị hỗ trợ chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị quyết số...../2026/NQ-HĐND ngày/...../2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La để tham gia đi làm việc tại nước.....

Số tiền đề nghị hỗ trợ:.....

Bao gồm:

- Chi phí đào tạo giáo dục định hướng:đ
- Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề:đ
- Chi phí đào tạo ngoại ngữ:đ
- Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo:đ
- Tiền ở trong thời gian đào tạo:đ
- Tiền đi lại:.....đ
- Lệ phí làm hộ chiếu:đ
- Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp:đ
- Lệ phí làm thị thực:đ
- Chi phí khám sức khoẻ:đ

(Có hồ sơ, chứng từ kèm theo)

Đề nghị chuyển tiền hỗ trợ vào tài khoản (tên chủ tài khoản):.....Số tài khoản:.....tại Ngân hàng:.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật, chưa từng nhận hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo chính sách này và chính sách hiện hành khác của Nhà nước. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của Công an xã*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Xác nhận ông (bà): có
thời gian đăng ký thường trú tại tỉnh Sơn La
từ đủ mười hai tháng trở lên.

....., ngàytháng.....năm.....

Người làm đơn*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 02. Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo thời vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN HỖ TRỢ
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO THỜI VỤ

Kính gửi:

Họ và tên:Ngày, tháng, năm sinh: ... /... /.....

Dân tộc:Giới tính:

Thẻ căn cước/Căn cước công dân/hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Nơi ở hiện tại:

Điện thoại:

Tôi có nhu cầu vay vốn để đi làm việc thời vụ ở nước ngoài tại quốc gia/vùng lãnh thổ theo hợp đồng lao động đã ký với chủ sử dụng lao động ngày...../...../.....trong thời hạn.....tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

Thời hạn vay: tháng; định kỳ hạn trả gốc: tháng/kỳ

Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

Xác nhận ông (bà): có đăng ký thường trú tại xã, thuộc đối tượng đi làm việc thời vụ ở nước ngoài trong danh sách do UBND xã quản lý.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

(Ký và ghi rõ họ tên)